

Bản án số: 81A /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5- 2021

“V/v Ly hôn giữa bà T và ông P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Phú T(Đỗ Thị T)**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Minh P**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T, ông P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn bà **Đỗ Phú T(Đỗ Thị T)** trình bày:*

Do mai mối nên bà và ông P tiến đến hôn nhân năm 1998, đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, cự cãi nhiều vấn đề trong cuộc sống, ông P thường xuyên chửi, dọa đánh bà làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Hai người đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Kim Y, sinh ngày 09/02/1999, Lê Minh H, sinh ngày 29/02/2008.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà T xin được ly hôn với ông P. Con chung cháu Y đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

- Bị đơn ông Lê Minh P tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng năm 2020 ông đi nhậu, khi sấn có dọa đánh bà T nhưng không đánh chỉ cầm dép chọi, cầm ghế nhựa đập lên bàn. Từ đó bà T không vui, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đòi ly hôn. Ông đã hối hận về việc mình làm mong bà T cho cơ hội để vợ chồng đoàn tụ.

Ông không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa xử cho ly hôn ông đồng ý giao con cho bà T nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông P. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà T và ông P tiến đến hôn nhân năm 1998, đăng ký kết hôn cùng năm trên cơ sở mai mối và sắp đặt của gia đình. Tuy nhiên hai người chỉ chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 02/2020 thì ly thân. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường hay cãi nhau, ông P còn đe dọa đánh bà T, đập phá tài sản trong nhà. Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P. Còn ông P tuy không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng ông bà đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà T được ly hôn với ông P là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân Lê Kim Y, sinh ngày 09/02/1999, Lê Minh H, sinh ngày 29/02/2008. Đối với con chung tên Lê Kim Y hiện đã thành niên, tự lao động được nên không đặt ra xem xét giải quyết. Riêng cháu Lê Minh H có nguyện vọng sống với bà T. Bà T cũng có yêu cầu được nuôi

cháu H. Đối với ông P cũng đồng ý để bà T nuôi con chung nếu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn. Do đó để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của con chung, cũng như nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung là cháu H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông P cũng không tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2. 4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của bà Đỗ Phú T(Đỗ Thị T).

1. Về hôn nhân: Cho bà Đỗ Phú T(Đỗ Thị T) ly hôn với ông Lê Minh P.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Lê Minh H, sinh ngày 29/02/2008 cho bà Đỗ Phú T(Đỗ Thị T) nuôi dưỡng.

2.2. Ông Lê Minh P không phải cấp nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Đỗ Phú T(Đỗ Thị T) phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004719 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

